TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG** Bản án số: 232/2024/HNGĐ-ST Ngày: 17/7/2024 *"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang

Bà Phạm Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 225/2024/HNGĐ-TLST ngày 03/5/2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2024/QĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Ngọc Đ,** sinh ngày 01/01/1993;

HKTT: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Nơi ở hiện nay: E235A tổ E, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn : Anh **Nguyễn Đức T,** sinh ngày 23/11/1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số nhà 41 Phạm Ngọc Uyên, khu 3, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Ba Lan.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số nhà D, Phạm Ngọc U, khu C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Chị Đ, anh T, chị N đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 07/9/2011. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 8 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mải chơi lô đề, cờ bạc, không tu trí làm ăn, thường xuyên đánh đập, bạo hành vợ con. Cuối năm 2020 chị đã về quê ở Hậu Giang sinh sống, chị và anh T đã từng làm đơn ly hôn gửi TAND huyện Gia Lộc và TAND thành phố Biên Hòa để giải quyết theo hướng thuận tình ly hôn. Tuy nhiên do thời điểm chị nộp đơn ly hôn đúng lúc dịch covid- 19 phải giãn cách xã hội nên chị không về được TAND huyện Gia Lộc để giải quyết ly hôn. Thời điểm TAND thành phố Biên Hòa triệu tập anh T vào làm việc thì anh T lại đi nước ngoài. Do đó chị đã rút đơn ly hôn, tuy nhiên tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị tiếp tục làm đơn ly hôn gửi TAND tỉnh Hải Dương, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 11/7/2012 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/8/2017. Hiện tại cháu H đang ở với chị, cháu B đang ở cùng với thím là Nguyễn Thị N tại số nhà D, Phạm Ngọc U, khu C, thị trấn G. Ly hôn chị và anh T thỏa thuận chị nuôi cháu H, anh T nuôi cháu B. Do người thân của anh T đều ở nước ngoài, nên anh T có nhờ chị N chăm sóc cháu B, trong thời gian anh T ở nước ngoài, chị đồng ý để cháu B sống cùng chị N. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Đức T hiện nay đang lao động tại Ba Lan, do chị Đ không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh T thông qua gia đình. Chị Nguyễn Thị N là em dâu anh T xác định, anh T hiện đang lao động tại Ba Lan, người thân thích của anh T cũng đang ở nước ngoài, anh T có nhờ chị chăm sóc cháu B trong thời gian anh T không ở Việt Nam nên anh T thường xuyên liên lạc với chị. Địa chỉ của anh T ở nước ngoài chị không biết. Chị đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T biết. Thông qua gia đình, cũng như tại buổi làm việc với Tòa án, anh T trực tiếp gọi điện thoại về và thể hiện quan điểm: Anh xác định anh và chị Đ1 có xảy ra mâu thuẫn, cả hai đã nhiều lần làm đơn ly hôn gửi Tòa án, tuy nhiên do điều kiện khách quan nên anh chị chưa được giải quyết ly hôn. Nay chị

Đ tiếp tục làm đơn ly hôn, quan điểm của anh đồng ý. Về con chung, anh và chị Đ thỏa thuận, anh nuôi cháu B, chị Đ nuôi cháu H, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do điều kiện anh chưa thể về Việt Nam, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho chị Nguyễn Thị N là em dâu chăm sóc cháu B, đồng thời nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án.

Người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị là em dâu của anh T. Hiện tại cháu B đang được chị chăm sóc. Trong thời gian anh T ở nước ngoài, chị đồng ý nhận ủy quyền chăm sóc cháu B và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Cháu Nguyễn Đức B và Nguyễn Đức H là con chung của chị Đ, anh T có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn cháu B ở với bố, cháu H ở với mẹ Trong thời gian bố ở nước ngoài cháu B có nguyện vọng được ở với thím là Nguyễn Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Đ được ly hôn anh T; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức B, sinh ngày 11/7/2012 cho anh Nguyễn Đức T chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/8/2017 cho chị Võ Thị Ngọc Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, tạm giao cháu B cho chị Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc Đ hiện đang sinh sống tại: E tổ E, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bị đơn anh Nguyễn Đức T có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Số nhà D P, khu C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện nay anh T đang lao động tại Ba Lan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Ba Lan. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh T được biết, anh T thường xuyên liên lạc với em dâu là chị Nguyễn Thị N. Chị N đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Thông qua gia đình anh T cũng thể hiện quan điểm về việc ly hôn và nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi cho anh T, Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do anh T không cung cấp địa chỉ của mình tại Ba Lan nên áp dụng Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[3] Anh Tuấn ủy quyền cho chị Nguyễn Thị N chăm sóc nuôi dưỡng cháu B trong thời gian anh không ở Việt Nam nên Tòa án xác định chị N là người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Chị Đ, anh T, chị N đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về nội dung:

[6] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị Ngọc Đ và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 07/9/2011, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của các đương sự, có đủ cơ sở xác định từ năm 2020, chị Đ và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, chị Đ và anh T đã nhiều lần nộp đơn ly hôn nhưng do điều kiện khách quan nên chưa được giải quyết ly hôn. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và tiếp tục có đơn xin ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng có quan điểm xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ, cho chị Đ ly hôn anh T.

[7] *Về quan hệ con chung:* Chị Võ Thị Ngọc Đ và anh Nguyễn Đức T có hai con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 11/7/2012 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/8/2017. Chị Đ, anh T thỏa thuận chị Đ nuôi cháu H, anh T nuôi cháu B. Xét thấy, thực tế chị Đ đã đưa cháu H vào Đồng Nai sinh sống, cháu B đang

sinh sống cùng thím tại Gia Lộc, các cháu đều có cuộc sống ổn định và đều được đến trường học tập. Do đó, để ổn định môi trường sống cũng như phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, nguyện vọng của các con, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh T và chị Đ, giao cháu Nguyễn Đức H cho chị Đ chăm sóc, giao cháu Nguyễn Đức B cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, tạm giao cháu B cho chị Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[8] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Võ Thị Ngọc Đ và anh Nguyễn Đức T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về án phí*: Chị Võ Thị Ngọc Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc Đ, xử cho chị Võ Thị Ngọc Đ được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Đức B, sinh ngày 11/7/2012 cho anh Nguyễn Đức T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/8/2017 cho chị Võ Thị Ngọc Đ chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, tạm giao cháu B cho chị Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Võ Thị Ngọc Đ và anh Nguyễn Đức T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000653 ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh Nguyễn Đức T được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND thị trấn Gia Lộc;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu